

NGHỊ QUYẾT

**Về việc chủ trương đầu tư dự án:
Cấp nước sạch xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về chi phí quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018 cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ cấp bách; Công văn số 560/BTC-ĐT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị quyết định chủ trương đầu tư Dự án: Cấp nước sạch xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Cấp nước sạch xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, với những nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đảm bảo nguồn nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho người dân trên địa bàn xã Krông Na, một phần của xã Ea Huar; Tiểu đoàn huấn luyện 19 và 3 cụm điểm du lịch dọc sông Sêrêpôk;

- Góp phần hoàn thiện Tiêu chí số 17 về “Môi trường và An toàn thực phẩm”, tạo điều kiện cho xã Krông Na và xã Ea Huar có điều kiện đạt chuẩn nông thôn mới vào thời gian tới cũng như phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

- Góp phần thu hút và phát triển du lịch, đảm bảo quốc phòng và an ninh khu vực biên giới.

2. Quy mô đầu tư xây dựng và thiết bị:

a) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Cấp nước sinh hoạt cho khoảng 2.509 hộ dân, tương đương khoảng 10.432 khẩu đến năm 2020; đến năm 2025 cung cấp nước sinh hoạt cho khoảng 2.664 hộ dân, tương đương khoảng 10.988 khẩu; dự kiến đến năm 2030 cung cấp nước sinh hoạt cho khoảng 2.827 hộ dân, tương đương khoảng 11.704 khẩu.

- Đầu tư các hạng mục chính gồm:

+ Trạm bơm nước thô: Nhà trạm xây cấp IV, Diện tích xây dựng 31,3 m², gồm: Máy bơm ly tâm trục ngang 3 pha, cột nước bơm Hb < 20m, ống dẫn nước HPDE đường kính D 200 về hồ chứa và lắng sơ bộ.

+ Trạm xử lý nước gồm: Hồ chứa và lắng sơ bộ, trạm bơm cấp I, thiết bị trộn và bể phản ứng, bể lắng Lamella, bể lọc chậm, bể chứa, 01 nhà hóa chất, 01 nhà vận hành, trạm bơm cấp II bể thu hồi nước rửa lọc, hồ lắng bùn, công tường rào, sân bê tông và phụ kiện kèm theo.

+ Trạm bơm cấp II: Gồm máy bơm biến tần; Nhà trạm cấp IV, diện tích xây dựng khoảng 31,3 m².

+ Đường ống cấp nước: Hệ thống đường ống cấp nước gồm có: Đường ống chính HPDE D200 tổng chiều dài khoảng 10 km, bố trí chạy dọc theo Tỉnh lộ 1, đường ống nhánh UPVC D114-:-D34 bố trí chạy dọc theo đường hiện trạng nội vùng tổng chiều dài khoảng 40 km.

+ Kết nối hộ gia đình: Hệ kết nối hộ gia đình với các phụ kiện chính: Đồng hồ đo lưu lượng, đường ống kết nối D27 và van nước D27, tổng số khoảng 2.500 hộ.

+ Hệ thống điện: Nguồn điện cung cấp cho công trình từ đường dây 22KV dọc Tỉnh lộ 681, kết hợp với điện năng lượng mặt trời. Trạm biến áp 160 KVA đặt tại ngã ba đường vào nhà máy phát điện nhà máy thủy điện Srêpôk 4A, hệ thống điện năng lượng mặt trời lắp đặt trong khuôn viên trạm xử lý. Đường dây hạ áp cung cấp điện cho trạm xử lý nước bằng cáp ABC 4x95 tổng chiều dài khoảng L=1 km. Máy phát điện dự phòng 160 KVA.

b) Trang thiết bị, gồm: Thiết bị trạm bơm nước thô; Trạm bơm cấp I; Trạm bơm cấp II; Nhà hoá chất; Đồng hồ đo lưu lượng nước; Trạm biến áp; Nhà điều hành,...

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 79.000.000.000 đồng (Bảy mươi chín tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 53.801.022.000 đồng;
- Chi phí thiết bị : 7.444.855.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 1.121.913.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 5.069.151.000 đồng;
- Chi phí khác : 2.888.538.000 đồng;
- Chi phí đền bù GPMB : 1.500.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 7.174.521.000 đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn và mức vốn cụ thể theo từng nguồn:

- Vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018: 53 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách tỉnh: 26 tỷ đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Krông Na, một số thôn/buôn của xã Ea Huar, Tiểu đoàn huấn luyện 19 và 3 cụm điểm du lịch dọc sông Sêrêpôk;

7. Thời gian thực hiện: Ba năm (03 năm);

8. Tiến độ thực hiện dự án: Giai đoạn 2019-2021.

9. Các nội dung khác:

- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới và mua sắm trang thiết bị;
- Cơ quan đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trước khi phê duyệt dự án đầu tư cần xác định nguồn cung cấp nước vận hành dự án đảm bảo ổn định lâu dài; rà soát lại quy mô, hạng mục đầu tư, công năng dự án để phát huy hiệu quả sử dụng cao nhất của dự án; xác định cụ thể cơ quan quản lý, vận hành dự án sau khi dự án đi vào hoạt động để đảm bảo tính bền vững của dự án khi đi vào hoạt động, tránh gây lãng phí nguồn lực, mang lại hiệu quả thực tế từ nguồn vốn đầu tư, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, đời sống của người dân từ dự án.



Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp bất thường thông qua ngày 06 tháng 5 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2019. / *shul*

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT, NN&PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở: TC, KH&ĐT, NN&PTNT;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXDCTGT&NTPTNT tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH. 110



Y Biêr Niê

Y Biêr Niê